

Khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Xu hướng phát triển trong cơ cấu nền kinh tế nhiều thành phần

NGÔ VĂN GIANG

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thay đổi trong quan niệm

Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Nhân tố bao trùm tạo nên những thành tựu đó là do Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã quyết tâm thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN (nền kinh tế thị trường định hướng XHCN).

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta thừa nhận nền kinh tế có ba hình thức sở hữu cơ bản, bao gồm sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Có ý kiến cho rằng, ngoài ba hình thức nêu trên, cần bổ sung thêm hình thức sở hữu nước ngoài, và như vậy là có bốn hình thức sở hữu cơ bản. Những hình thức sở hữu này tồn tại đan xen trong các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, hình thành nên các thành phần kinh tế. Đại hội Đảng lần thứ 9 (2001) đã xác định nước ta có 6 thành phần kinh tế, bao gồm: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Cùng với việc xác định rõ 6 thành phần kinh tế, Đảng và Nhà nước đã xác định, trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển trong một tổ thống nhất, mọi thành viên đều bình đẳng và có quyền lợi cũng như nghĩa vụ trước pháp luật như nhau. Mỗi thành phần kinh tế tồn tại với vị trí quan trọng của nó và đều cần phải được chú trọng phát triển.

Như vậy, xem xét trong cơ cấu các thành phần kinh tế thì kinh tế tư nhân

(KTTN) có hai thành phần đại diện là thành phần kinh tế tư bản tư nhân và thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ. Sự phân định hai thành phần kinh tế này là dựa trên quy mô sở hữu của các chủ thể KTTN. Tuy nhiên, sự phân định ấy mang tính rất tương đối do quy mô sở hữu của các chủ thể KTTN diễn biến rất linh hoạt trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Xu hướng phát triển của các hộ kinh tế cá thể, tiểu chủ thành các DN là rất rõ rệt trong những năm gần đây. Hơn nữa, khi xem xét các chủ trương, chính sách phát triển KTTN thì không nên phân biệt hai thành phần kinh tế này. Theo cách tiếp cận ấy, bài viết này xem xét xu hướng phát triển của khu vực KTTN trong cơ cấu nền kinh tế bao gồm bốn khu vực: kinh tế nhà nước (bao gồm kinh tế tư bản nhà nước), kinh tế tập thể, KTTN (bao gồm thành phần kinh tế tư bản tư nhân kết hợp với thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ) và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta.

Diễn biến phát triển của khu vực KTTN

Nhờ môi trường thuận lợi hơn do hệ quả của các chính sách đổi mới đã thúc đẩy mạnh mẽ khu vực KTTN phát triển, đặc biệt là bước đột phá diễn ra sau khi thực hiện Luật DN (năm 2000). Khu vực KTTN đã đóng góp đáng kể vào thành tựu phát triển chung của nền kinh tế: (i) huy động nguồn lực trong dân, giải phóng sức sản xuất; (ii) tạo việc làm, thực hiện xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; (iii) góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế; (iv) tham gia tích cực vào quá trình phân công lao động quốc tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (v) tham gia tích cực thực hiện các chủ trương lớn của đất nước về phát triển

kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội; (vi) tham gia thúc đẩy cạnh tranh, hình thành các loại thị trường, hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; (vii) góp phần hình thành lớp doanh nhân mới.

Bộ phận kinh tế tư bản tư nhân trong những năm gần đây có tốc độ tăng trưởng vượt trội, trong khi bộ phận kinh tế cá thể lại có tốc độ tăng trưởng vừa phải, hiện tượng này xuất phát từ hai lý do: (i) tác động hiện hữu của Luật Doanh nghiệp; và (ii) sự chuyển đổi của các chủ thể kinh tế trong nội bộ khu vực KTTN từ bộ phận kinh tế cá thể sang bộ phận kinh tế tư bản tư nhân. Tác động của Luật DN được nhiều người đánh giá như một bước đột phá trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo cú huých cho sự phát triển của khối doanh nghiệp dân doanh (DNDD). Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ năm 2001 đến năm 2005 cả nước đã có hơn 160 nghìn DN đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký gần 300 nghìn tỷ đồng; số DN gia nhập thị trường tăng bình quân khoảng 21,8% về số lượng và tăng 44,1% về vốn đăng ký; số lượng DN thành lập mới trong giai đoạn 2001-2005 bằng 4 lần số DN thành lập trong giai đoạn 1991-1999 theo Luật DN Tư nhân và Luật Công ty, với số vốn đăng ký gấp 11 lần. Khối DN này có mặt trên hầu khắp các địa phương của cả nước, tham gia ngày càng sâu rộng vào nhiều lĩnh vực sản xuất - kinh doanh và đã tạo thêm được hơn 1,5 triệu việc làm mới. Đây là những yếu tố quan trọng tạo ra tốc độ tăng trưởng vượt trội của bộ phận kinh tế tư bản tư nhân.

Xét về thực chất, bộ phận kinh tế cá thể trong những năm qua vẫn đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể, tuy nhiên, có một xu hướng rõ rệt là những chủ thể kinh doanh có hiệu quả sẽ chuyển

sang đăng ký thành lập doanh nghiệp, tức là chuyển sang bộ phận kinh tế tư bản tư nhân. Nếu tính chung khu vực KTTN thì tốc độ tăng trưởng sản phẩm của khu vực này đạt xấp xỉ tốc độ tăng trưởng chung GDP của cả nước.

Để có thể thấy rõ hơn "sự nổi lên" của khu vực KTTN, hãy xem xét cơ cấu đóng góp của khu vực này vào GDP trong những năm vừa qua trong mối quan hệ so sánh với các khu vực kinh tế khác (xem bảng dưới).

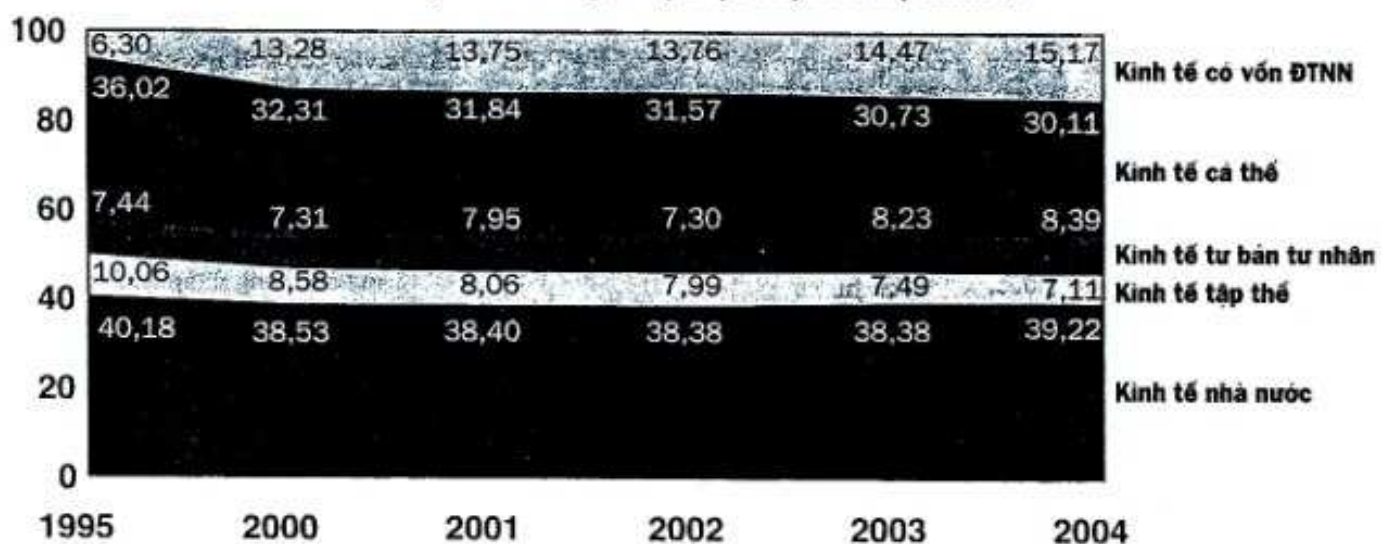
Số liệu trong Bảng cho thấy, mặc dù tỷ trọng đóng góp vào GDP của khu vực KTTN không thay đổi nhiều qua các năm, nhưng dễ dàng nhận thấy là tỷ trọng đóng góp của bộ phận kinh tế tư bản tư nhân, tức là của các DNDD, đã tăng lên liên tục và đều đặn. Khu vực kinh tế nhà nước và khu vực KTTN có tỷ trọng đóng góp cho GDP tương đương với nhau, thậm chí trong hai năm qua phần đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước có phần trội hơn. Điều này cho thấy khu vực kinh tế nhà nước luôn nắm giữ vai trò chủ đạo vì chiếm giữ phần lớn các nguồn lực từ tài sản, đất đai cho đến nguồn vốn tài chính và vốn con người của nền kinh tế, hơn nữa các DNNN được nắm độc quyền trong nhiều ngành kinh tế quan trọng. Tuy nhiên, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chưa thực sự xuất phát từ thực lực vượt trội của mình so với các thành phần kinh tế khác, bởi lẽ hiện nay khu vực DNNN có năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động

thấp nhưng lại nhận được nhiều sự hỗ trợ và hưởng những đặc quyền mà các DN khác không thể có được. Khu vực kinh tế tập thể liên tục giảm sút do quá trình cải cách các hợp tác xã. Tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN tăng lên một cách vững chắc, khẳng định vai trò quan trọng của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế Việt Nam.

Diễn biến phát triển của khu vực KTTN có thể được nhìn nhận rõ hơn khi xem xét mối quan hệ trong sản xuất-kinh doanh giữa các DN thuộc khu vực này với các DN thuộc các khu vực kinh tế khác. Tuy ở nước ta, cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu hay tổng kết thực tiễn toàn diện và đầy đủ nào về các mối quan hệ tương tác giữa các DN thuộc các khu vực kinh tế khác nhau, song thực tiễn đời sống kinh tế cho thấy, các mối quan hệ giữa các chủ thể này đã diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng, trong đó các DNDD và các hộ cá thể đóng vai trò là những mắt xích quan trọng. Thí dụ, sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực xuất khẩu nông-hải sản của nước ta trong nhiều năm qua phần lớn là do sự hợp tác giữa người nông dân, người nuôi trồng, đánh bắt thủy-hải sản (chủ yếu thuộc khu vực KTTN) với các DN thu mua, chế biến và xuất khẩu (chủ yếu thuộc khu vực kinh tế nhà nước). Sự hợp tác, liên doanh giữa các DNDD với DN có vốn đầu tư nước ngoài cũng là một mô hình hợp

tác có hiệu quả. Ngoài việc thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, tăng trưởng kinh tế v.v, thông qua mối quan hệ hợp tác này, các DNDD trong nước còn có điều kiện mở rộng đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất và quản lý, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Quan hệ hợp tác kinh doanh giữa các DNNN thuộc các lĩnh vực tài chính-ngân hàng, bưu chính-viễn thông, điện lực, giao thông-vận tải, thủy nông v.v... với các DNDD cũng được cải thiện đáng kể. Nó được xác định là quan hệ đối tác, bạn hàng, cùng có lợi, mức độ độc quyền vẫn còn nhưng đã giảm nhiều so với trước đây. Nhờ có sự tham gia sâu rộng của các khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào các lĩnh vực này mà mức độ cạnh tranh trên thị trường được tăng cường, tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao lợi ích cho đông đảo khách hàng. Kết quả của quá trình cải cách DNNN cũng dẫn đến các mối quan hệ đa dạng giữa các DNNN với các DNDD dựa trên quan hệ góp vốn hoặc các mối liên kết sản xuất, kinh doanh khác. Trong nhiều trường hợp, đây là mô hình hợp tác đa thành phần kinh tế, đa ngành, đa cấp quản lý, qua đó khu vực kinh tế nhà nước phát huy vai trò đầu tàu, hướng dẫn và hỗ trợ các khu vực kinh tế khác, đồng thời thực hiện những đổi mới cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hiệp hội Mía đường Lam Sơn

Cơ cấu đóng góp vào GDP của các khu vực kinh tế (tính theo giá trị thực tế) Đơn vị tính: %



(Thanh Hoá) là một trong những thí dụ điển hình về mô hình hợp tác này.

Những phân tích trên đây đã phác hoạ khái quát bức tranh khu vực KTTN Việt Nam. Mặc dù còn một số mặt yếu kém và còn không ít khó khăn, nhưng xu hướng vận động đi lên của khu vực kinh tế này trong cơ cấu tổng thể của nền kinh tế trong những năm vừa qua đã hứa hẹn mở ra triển vọng phát triển tốt đẹp trong tương lai.

Triển vọng và xu hướng phát triển của khu vực KTTN

Triển vọng

Việc ban hành Luật DN mới và Luật Đầu tư vào năm 2005 và đều có hiệu lực từ đầu tháng 7/2006 đã thể hiện rõ tư tưởng cải cách theo chiều sâu, vì hai đạo luật này được kỳ vọng sẽ tạo lập được "sân chơi" bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đặc biệt, Luật DN mới dù được đánh giá là khó tạo ra được bước đột phá mạnh mẽ như Luật DN 1999 nhưng hệ quả của nó lại đi vào chiều sâu, bởi lẽ, việc thực thi Luật DN mới sẽ tạo cơ hội để hoàn thành dứt điểm quá trình cải cách, sắp xếp lại DNNN. Dự kiến trong giai đoạn chuyển đổi 5 năm, đại bộ phận DNNN sẽ chuyển đổi thành công ty TNHH hoặc CTCP chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

Với triển vọng tươi sáng ấy, xu hướng phát triển của khu vực KTTN được dự báo là tiếp tục đi lên mạnh mẽ cả về tốc độ và quy mô - có nghĩa là tốc độ tăng trưởng sản phẩm và tỷ trọng đóng góp vào GDP của khu vực này, đặc biệt là của bộ phận kinh tế tư bản tư nhân, có chiều hướng tăng cao. Theo mục tiêu phát triển DN đến năm 2010 được đề ra trong dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, cả nước sẽ có 500.000 DN hoạt động có hiệu quả; cổ phần hoá 1.000 DN nhà nước, trong đó có trên 50% các tổng công ty đang hoạt động hiện nay; chuyển khoảng 1.600 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang hình thức công ty TNHH một thành viên; và xây dựng trên 10 tập đoàn kinh tế trên cơ sở 18 tổng công ty 91 hiện nay. Với cơ

cấu DN như vậy, dự báo đến năm 2010 khu vực KTTN Việt Nam sẽ có gần 500.000 DN hoạt động có hiệu quả cộng với hàng triệu hộ kinh tế cá thể. Đây là một con số lớn hơn rất nhiều so với hiện nay.

Xu hướng

- *Thứ nhất*, các cơ hội kinh tế mở ra sẽ thu hút ngày càng nhiều các chủ thể KTTN bỏ vốn đầu tư, kinh doanh. Đặc biệt, môi trường pháp lý và chính sách thông thoáng khi thực thi Luật DN sẽ tiếp tục thúc đẩy việc thành lập các DNDD mới với quy mô, ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn đa dạng.

- *Thứ hai*, xu hướng chuyển đổi của các chủ thể thuộc bộ phận kinh tế cá thể, tiểu chủ sang bộ phận kinh tế tư bản tư nhân. Theo đó, nhiều hộ sản xuất- kinh doanh làm ăn có hiệu quả và phát triển đến mức độ nào đó sẽ chuyển sang đăng ký thành lập doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhiều DN tư nhân sẽ phát triển lên quy mô lớn, đi theo mô hình tập đoàn kinh tế.

- *Thứ ba*, xu hướng chuyển đổi các chủ thể từ các khu vực kinh tế khác sang hoạt động trong khu vực KTTN. Rõ nét là sự chuyển đổi các DNNN thành các công ty cổ phần (CTCP) và các hình thức chuyển đổi DNNN khác. Cổ phần hoá DNNN sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới. Bên cạnh đó, sự chuyển đổi các hợp tác xã sang hình thức công ty được dự báo cũng sẽ diễn ra mạnh mẽ.

- *Thứ tư*, áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường sẽ tăng cường quá trình "đào thải hoạt động" của các doanh nghiệp. Theo đó, những DN làm ăn không có hiệu quả sẽ bị phá sản, nhường chỗ cho những DN làm ăn có hiệu quả.

Định hướng và giải pháp phát triển khu vực KTTN

Định hướng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho KTTN đầu tư phát triển, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn; xoá bỏ triệt để mọi hình thức phân biệt đối xử, tôn vinh những người sản xuất, kinh doanh giỏi; khuyến

khích phát triển các DN tư nhân lớn, các tập đoàn KTTN và DN do phụ nữ làm chủ.

- Thu hút tư nhân mua cổ phần của các DNNN, tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế; khuyến khích các DN tư nhân lớn trở thành CTCP, bán cổ phần cho người lao động.

- Bảo vệ tài sản công dân; loại bỏ các quy định pháp luật không hợp lý, không cần thiết về việc khám xét nơi ở và làm việc, tịch thu hoặc tạm giữ tài sản của công dân; các cơ quan có thẩm quyền phải đền bù thích đáng về cả danh dự và vật chất cho những quyết định trái pháp luật đối với công dân.

Giải pháp

- Cần tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho các DNDD phát triển và tạo lập sự bình đẳng thật sự giữa tất cả các loại hình doanh nghiệp; Bảo đảm sự cố kết và nhất quán giữa hệ thống pháp luật, chính sách với các chủ trương, đường lối cũng như bên trong hệ thống pháp luật, chính sách. Muốn vậy, quá trình hoạch định và thực thi pháp luật, chính sách cần có sự tham gia sâu rộng của doanh nghiệp, của người dân.

- Đẩy nhanh sự hình thành và phát triển của các loại thị trường, tạo điều kiện cho sự di chuyển các nguồn lực, nâng cao mức độ cạnh tranh trong nền kinh tế, tạo động lực và áp lực phát triển đối với các DNDD. Đồng thời, tăng cường sự tiếp cận thị trường của DNDD, mở rộng lĩnh vực hoạt động, khuyến khích DNDD tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế, và khuyến khích sự hợp tác giữa DNDD với các loại hình DN khác để khai thác những nguồn lực tiềm tàng trong nền kinh tế.

- Tạo hành lang pháp lý rõ ràng và thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế hộ gia đình. Theo đó, cần rà soát các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan để sửa đổi, bổ sung các nội dung phục vụ cho việc ban hành một văn bản pháp luật mới đóng vai trò là khung pháp lý quy định về tổ chức và

hoạt động của các hộ sản xuất - kinh doanh, thống nhất với tinh thần của Luật Doanh nghiệp, nhằm chỉnh đốn môi trường hoạt động của kinh tế hộ gia đình, tạo điều kiện cho các hộ này được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước (về vấn đề liên quan đến đất đai, tài chính - tín dụng, đào tạo, khoa học - công nghệ, thông tin thị trường...). Đẩy mạnh thực hiện các chính sách "dồn điền, đổi thửa", phát triển các cụm công nghiệp làng nghề, phát triển kinh tế trang trại, thí điểm mô hình nông trấn... ở nông thôn; khuyến khích các hộ liên doanh, liên kết với nhau, với các doanh nghiệp, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho phát triển lên quy mô lớn hơn.

- Tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá DNNN. Để cổ phần hoá

thực sự gắn với thị trường, tránh tham nhũng, trục lợi, cần xoá bỏ việc xác định giá DN thông qua hội đồng, thay vào đó là hình thức xác định giá thông qua các tổ chức thẩm định giá, kiểm toán, tư vấn tài chính, đồng thời cho phép các tổ chức nước ngoài tham gia xác định giá DN để nâng cao tính minh bạch, tăng tính cạnh tranh; mở rộng phương thức đấu giá cổ phần, đặc biệt là thông qua thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư chiến lược tham gia góp vốn. Đối với các DN sau cổ phần hoá, cần hoàn thiện chế độ quản lý, đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá CTCP cho phù hợp với đà phát triển kinh tế thị trường ở nước ta. Trong thời gian trước mắt, các cơ quan chức năng cần: (i) hoàn chỉnh, ban hành các văn bản pháp luật

hướng dẫn quản lý vốn nhà nước trong công ty cổ phần; (ii) tiến hành kiểm toán DN để có thể đưa DN lên sàn giao dịch chứng khoán, tăng số DN có đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; và (iii) ban hành các cơ chế về quản lý cán bộ, công chức là người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, hướng dẫn hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể tại CTCP v.v.

Ngoài ra, cần thực hiện một số giải pháp khác như: nghiên cứu ban hành một văn bản pháp luật quy định về trình tự và thủ tục chuyển hợp tác xã thành công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho sự chuyển đổi này; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho DN rút lui khỏi thị trường v.v... 